

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

TRƯƠNG QUỐC BÌNH *

I- NHỮNG NHU CẦU BỨC XÚC CỦA VIỆC XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

Di sản văn hoá là tài sản vô cùng quý giá của đất nước, là chất liệu gắn kết cộng đồng dân tộc, là cơ sở để sáng tạo những giá trị tinh thần mới và giao lưu văn hoá quốc tế. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có nhiều hoạt động nhằm bảo vệ và phát huy kho tàng di sản văn hoá của cha ông, góp phần to lớn vào việc bảo vệ và xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến nay, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Hiến pháp năm 1992 đã quy định trách nhiệm của Nhà nước, các tổ chức và nhân dân về bảo vệ, giữ gìn và phát huy di sản văn hoá dân tộc. *Pháp lệnh “Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh”*, ban hành năm 1984, cùng nhiều văn bản pháp luật khác, là cơ sở pháp lý quan trọng cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành

tựu rất đáng khích lệ, nhìn chung hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá ở nước ta trong những năm qua cũng còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng này, theo chúng tôi, ngoài những hạn chế và bất cập về điều kiện tài chính, về tổ chức quản lý, về năng lực và trình độ cán bộ...thì một trong những nguyên nhân cơ bản nhất là sự bất cập và sự không đồng bộ của hệ thống pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá. Rõ ràng là, trong thực tiễn, mặc dầu có những vai trò không thể phủ nhận trong việc tạo ra những cơ sở pháp lý của hoạt động bảo tồn bảo tàng trong những năm qua, Pháp lệnh năm 1984 và những quy định pháp luật khác cũng đã bộc lộ những tồn tại và hạn chế cơ bản.

Pháp lệnh *“Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh”* ra đời trong thời kỳ bao cấp. Vì vậy, khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, những thay đổi về kinh tế - xã hội đã và đang tạo nên những sự biến đổi sâu sắc, thì những nội dung và những quy định của Pháp lệnh đã trở thành lạc hậu, chưa tạo được những cơ sở pháp lý để giải quyết những

* PGS.TS. Phó cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng
Thư ký Ban soạn thảo Dự án Luật Di sản Văn hoá. Thư
ký Ban soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật
Di sản văn hoá.

vấn đề bức xúc của công tác quản lý di sản văn hoá hiện nay, như : việc thừa nhận các hình thức sở hữu khác nhau về di sản văn hoá; thừa nhận sự tồn tại và nhu cầu quản lý thị trường cổ vật; việc xuất, nhập khẩu cổ vật phục vụ giao lưu văn hoá quốc tế; những vấn đề tổ chức và hoạt động của hệ thống bảo tàng ở Việt Nam, trong đó có việc xây dựng các sưu tập và bảo tàng tư nhân. Các quy định về khen, thưởng chưa cụ thể nên không khuyến khích các cá nhân, tổ chức giao nộp cổ vật cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Đặc biệt là, những hiện tượng vi phạm di tích do các hoạt động kinh tế, xây dựng còn khá nặng nề, việc xâm lấn đất đai thuộc di tích vẫn chưa được giải toả và xử lý dứt điểm. Việc phân cấp về thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về di sản văn hoá và chính quyền các cấp chưa cụ thể, nên còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, ỷ lại nhà nước; các địa phương không chủ động dành ngân sách cho việc tu bổ di tích, thậm chí còn khoán trắng cho dân. Chính vì vậy, *tình trạng đào bới trái phép các khu di tích khảo cổ, tìm kiếm và buôn bán trái phép cổ vật, xây dựng hoặc tu bổ di tích tùy tiện, thương mại hoá các hoạt động lễ hội đã và đang trở thành những vấn đề bức xúc*, thành nỗi lo của nhiều cấp uỷ Đảng và chính quyền, đoàn thể và sự quan tâm không nhỏ của toàn xã hội.

Cho đến những năm gần đây, những chủ trương, chính sách của Đảng , đặc biệt là vấn đề *xã hội hoá* các hoạt động văn hoá- trong đó có các

hoạt động và bảo vệ, phát huy các di sản văn hoá- đã được quy định cụ thể trong Hiến Pháp năm 1992, chưa được thể chế hoá thành những chế định pháp luật. Pháp lệnh *“Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh”* năm 1984 mới chỉ điều chỉnh đối tượng di sản văn hoá ở dạng vật thể, vì vậy chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra hiện nay, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), là việc bảo tồn, kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể; đồng thời đưa ra những giải pháp lớn để xây dựng và phát triển văn hoá, trong đó khẳng định sự cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng dự luật quan trọng này.

Mặt khác, trong những năm qua, nhiều bộ luật mới đã được xây dựng và ban hành. Trong thực tiễn, những quy định cụ thể về quan hệ dân sự của **Luật Dân sự**, về sử dụng đất của **Luật Đất đai**, về bảo vệ cảnh quan môi trường của **Luật bảo vệ Môi trường**, **Luật Biển**, **Luật Bảo vệ và Phát triển rừng**..., có liên quan đến các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá và trách nhiệm tổ chức thực hiện những quy định của **các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia** trong quá trình hội nhập quốc tế những năm gần đây, góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho việc đầu tư phát triển kinh tế của đất nước, thúc đẩy việc mở rộng giao lưu văn hoá với các nước trên thế giới,

khiến cho nhu cầu *xây dựng mới* một bộ luật về bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá ở Việt Nam đã trở nên vô cùng cấp bách.

II- QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

Cùng với các dự án *Luật Báo chí (sửa đổi)*, và dự án xây dựng *Pháp lệnh Thư viện*, chương trình xây dựng *Luật Di sản văn hoá* đã chính thức được đưa vào *Nghị quyết về chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khoá X*.

Để xúc tiến việc xây dựng **Luật Di sản văn hoá**, thực hiện những quy định của “*Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”, tại Quyết định số 607/QĐ-TC ngày 19/3/1997, nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin Nguyễn Khoa Điềm đã chính thức thành lập **Ban soạn thảo Dự án Luật** gồm các chuyên gia đầu ngành về Bảo tồn Bảo tàng, về văn hoá phi vật thể và những chuyên gia có kinh nghiệm trong việc xây dựng văn bản pháp luật thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, do GSTS Lưu Trần Tiêu, Thứ trưởng Thường trực Bộ Văn hoá Thông tin làm Trưởng Ban.

Ban Soạn thảo đã tổ chức hội nghị tổng kết quá trình thực hiện Pháp lệnh “*Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh*”, tổ chức nhiều hội thảo khoa học về các nội dung lớn trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa dân tộc tại ba miền Bắc, Trung, Nam của đất nước; đồng thời, tập hợp và hệ thống hoá các văn bản

pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá ban hành từ trước đến nay; sưu tầm và biên dịch nhiều tài liệu của các nước về công tác bảo vệ di sản văn hoá để nghiên cứu, tham khảo. Dự thảo Luật cũng đã được đại diện các Bộ, ngành, các đoàn thể, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội ở trung ương và các địa phương đóng góp ý kiến.

Tại phiên họp thường kỳ tháng 3/2000, Chính phủ đã cho ý kiến và thông qua Dự án Luật Di sản văn hoá. Ngày 31/7/2000, Chính phủ đã có tờ trình số 684/ CP-PC trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Dự án Luật. Tại phiên họp lần thứ 33 ngày 17/8/2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét và cho ý kiến về dự thảo Luật Di sản văn hoá. Sau khi Ban Soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh sửa để các đại biểu Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp lần thứ 8, Quốc hội khoá X (tháng 12 năm 2000).

Tiếp đó, thừa uỷ nhiệm của Chính phủ, Bộ Văn hoá-Thông tin đã phối hợp với Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Ủy ban Pháp luật và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội nghiên cứu chỉnh sửa nội dung Dự thảo Luật Di sản văn hoá trên cơ sở tiếp thu những ý kiến của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá VIII (tại phiên họp ngày 30/3/2001), của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tại phiên họp lần thứ 40 ngày 14/2/2001 và phiên họp lần thứ

42 ngày 16/5/2001) về Dự thảo Luật; đồng thời, nghiên cứu tiếp thu những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý về văn hoá tại các cuộc hội thảo khoa học chuyên đề do Uỷ ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội tổ chức trong quý I năm 2001.

Tại kỳ họp thứ 9, tháng 6/2001, Quốc hội khoá X đã thảo luận và thông qua nội dung của từng Điều, từng Chương và cuối cùng đã thông qua toàn văn nội dung của Luật Di sản văn hoá.

III- BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

Ngoài Lời mở đầu, Luật Di sản văn hoá gồm 7 Chương, 74 điều.

Chương I: Những quy định chung, gồm 13 điều, từ Điều 1 đến Điều 13, trong đó quy định những nội dung chủ yếu về: Khái niệm, nội dung của di sản văn hoá; Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật; Chính sách, biện pháp chủ yếu của Nhà nước nhằm bảo vệ di sản văn hoá; Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và của toàn xã hội trong việc bảo vệ di sản văn hoá; Giải thích các từ ngữ về di sản văn hoá và bảo vệ, phát huy di sản văn hoá; Xác định quyền sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý và các hình thức sở hữu khác đối với di sản văn hoá; Những mục đích của việc sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hoá; Các điều cấm nhằm bảo vệ di sản văn hoá.

Chương II: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hoá, gồm 3 điều, từ Điều 14 đến Điều 16, trong đó quy định những nội dung chủ yếu là: Quyền của tổ chức, cá nhân và chủ sở hữu đối với di sản văn hoá; Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và chủ sở hữu đối với di sản văn hoá; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp di sản văn hoá.

Chương III: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể, gồm 11 điều, từ Điều 17 đến Điều 27 với những nội dung chủ yếu là: Chính sách của Nhà nước đối với việc nghiên cứu, sưu tầm và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể; Trách nhiệm của Bộ Văn hoá-Thông tin và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong việc chỉ đạo lập hồ sơ khoa học về di sản văn hoá phi vật thể; Chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích sưu tầm, biên soạn, dịch thuật, thống kê, phân loại di sản văn hoá phi vật thể; khuyến khích và tạo điều kiện bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu, những kinh nghiệm, bài thuốc cổ truyền dân tộc, đặc sản văn hoá ẩm thực và các tri thức văn hoá dân gian khác; tạo điều kiện cho việc duy trì và phát huy giá trị văn hoá của các lễ hội truyền thống; bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực và thương mại hoá trong việc tổ chức và hoạt động lễ hội; Nhà nước tôn vinh và

có chính sách đãi ngộ đối với tổ chức, nghệ nhân nắm giữ, có công phổ biến bí quyết nghề nghiệp, nghệ thuật và kỹ thuật truyền thống có giá trị đặc biệt; Quy định việc nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Chương IV: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể.

Gồm 26 điều, từ Điều 28 đến Điều 53, được xếp thành 3 mục, quy định những nội dung chủ yếu như sau:

Mục 1: “Di tích, danh lam thắng cảnh” gồm 13 điều, từ Điều 28 đến Điều 40. Mục này quy định những nội dung chủ yếu sau: Phân hạng các di tích, danh lam thắng cảnh; Thẩm quyền, thủ tục xếp hạng các di tích, danh lam thắng cảnh; Các khu vực bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh; Tổ chức, quản lý bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị di tích, danh lam thắng cảnh; Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, danh lam thắng cảnh; Thẩm quyền phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, danh lam thắng cảnh; Trách nhiệm của các chủ dự án đối với việc bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh trong quá trình xây dựng; Việc thăm dò, khai quật khảo cổ.

Mục 2: “Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia” gồm 6 điều, từ Điều 41 đến Điều 46. Mục này quy định những nội dung chủ yếu sau: Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi mua bán, thay đổi sở hữu, di chuyển, xuất khẩu di vật, cổ vật; Quy định về chế độ

bảo vệ đặc biệt đối với bảo vật quốc gia; Thẩm quyền, thủ tục, điều kiện đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài nhằm mục đích giao lưu văn hoá giữa Việt Nam với các nước; Quy định về việc mua bán cổ vật ở trong nước; Quy định về việc đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài; Điều kiện làm bản sao cổ vật.

Mục 3: “Bảo tàng” gồm 7 điều, từ Điều 47 đến Điều 53. Mục này quy định những nội dung chủ yếu sau: Khái niệm về bảo tàng; Các bảo tàng trong hệ thống bảo tàng Việt Nam; Nhiệm vụ và quyền hạn của bảo tàng; Điều kiện, thẩm quyền và thủ tục thành lập bảo tàng; Việc quản lý các di vật, cổ vật trong các nhà truyền thống, nhà lưu niệm và tổ chức trưng bày tại bảo tàng.

Chương V: Quản lý Nhà nước về di sản văn hoá, gồm 15 điều, từ Điều 54 đến Điều 68, được xếp thành 4 mục, quy định những nội dung chủ yếu sau đây:

Mục 1: “Nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hoá” gồm 3 điều, từ Điều 54 đến Điều 56, quy định những nội dung chủ yếu sau đây: Nội dung về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Trách nhiệm của Chính phủ, của Bộ Văn hoá- Thông tin, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về di

sản văn hoá; Hội đồng tư vấn chuyên môn về di sản văn hoá.

Mục 2: “ Nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá” gồm 6 điều, từ Điều 57 đến Điều 62, quy định những nội dung về: Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các hội về văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, khuyến khích các hình thức xã hội hoá trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Nguồn tài chính cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Trách nhiệm đầu tư của nhà nước và chính sách xã hội hoá đối với các hoạt động sử dụng, phát huy giá trị di sản văn hoá; Quyền thu phí tham quan và lệ phí sử dụng di sản văn hoá của chủ sở hữu di sản văn hoá; Chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích sự đóng góp, tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Quy định về việc sử dụng các nguồn tài chính cho việc bảo vệ, tu bổ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Mục 3: “ Hợp tác quốc tế về di sản văn hoá” gồm 3 điều, từ Điều 63 đến Điều 65, quy định về : Chính sách của Nhà nước trong việc hợp tác quốc tế, khuyến khích tổ chức, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam; Những nội dung hợp tác quốc tế về di sản văn hoá.

Mục 4:” Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về di sản văn hoá” gồm 3 điều, từ Điều 66 đến Điều 68, quy định về : Nhiệm vụ của Thanh tra nhà nước về Văn hoá- Thông tin thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về di sản văn hoá; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra; Quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo của tổ chức, cá nhân; Thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo về di sản văn hoá.

Chương VI : Khen thưởng và xử lý vi phạm gồm 4 điều, từ Điều 69 đến Điều 72, quy định những nội dung chủ yếu về: Chính sách khen thưởng của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động bảo vệ di sản văn hoá; Xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa.

Chương VII: Điều khoản thi hành, gồm 2 điều, Điều 73 và Điều 74, quy định về hiệu lực thi hành và hướng dẫn thi hành Luật.

IV. NHỮNG ĐỔI MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

Nhìn chung, *nội dung của Luật Di sản văn hoá có những đổi mới cơ bản* trên cơ sở những nhu cầu xã hội và thực tiễn hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá ở nước ta; đồng thời xuất phát từ những những quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và tham khảo các bộ luật chuyên ngành của các nước khác.

Trước đây, phạm vi điều chỉnh

của Pháp lệnh "*Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh*" chỉ bao gồm các di tích lịch sử, văn hoá và thắng cảnh. Xuất phát từ nội dung của *khái niệm văn hoá và di sản văn hoá theo nghĩa rộng*, phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm các di sản văn hoá phi vật thể và các *di sản văn hoá vật thể*, quy định cụ thể việc kiểm kê, sưu tầm vốn văn hoá truyền thống (bao gồm văn hoá bác học và văn hoá dân gian) của người Việt và các tộc người thiểu số; bảo tồn các làng nghề truyền thống, các tri thức về y, dược cổ truyền, văn hoá ẩm thực...; tôn vinh và trọng đãi những nghệ nhân, nghệ sĩ bậc thầy trong các ngành, nghề truyền thống.

Pháp lệnh năm 1984 chỉ đề cập đến việc việc bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh- những di sản văn hoá vật thể là bất động sản- nội dung của Luật Di sản văn hoá có thêm *những quy định về quản lý bảo vệ và phát huy giá trị của các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cùng việc xây dựng các bộ sưu tập và tổ chức quản lý các bảo tàng ở Việt Nam*.

Theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và đây cũng là một trong những vấn đề mà Bộ Chính trị (khoá VIII) đề nghị cần xác định rõ trong dự thảo Luật, *về quyền sở hữu đối với di sản văn hoá*, xuất phát từ nhận thức cho rằng di sản văn hoá là một trong những tài sản đặc biệt; đồng thời, căn cứ vào những đặc thù của loại tài sản này, những quy định của Luật

Dân sự về 7 hình thức sở hữu phổ biến đã được vận dụng để xác định những hình thức sở hữu cơ bản về di sản văn hoá là: *sở hữu toàn dân, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân* và các hình thức sở hữu khác.

Bên cạnh những quy định cụ thể nhằm *đề cao trách nhiệm của nhà nước*, Luật Di sản văn hoá còn xác định cụ thể sự phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương; quyền và nghĩa vụ của công dân được xác định theo hướng *tôn trọng sở hữu tư nhân*, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân tham gia vào sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.

Pháp lệnh năm 1984 chưa thừa nhận sở hữu tư nhân về di sản văn hoá, chưa công nhận tính chất hàng hoá của di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, và vì vậy, *chưa có những quy định cụ thể về thị trường cổ vật và mua bán cổ vật* để nhà nước chủ động quản lý, thậm chí còn nghiêm cấm mọi hành vi mua bán những loại hàng hoá đặc biệt này, mặc dù từ hàng chục năm nay, trên thực tế vẫn tồn tại thị trường cổ vật chưa được kiểm soát. *Luật Di sản văn hoá quy định việc mở hệ thống các cửa hàng mua bán cổ vật, lập các bảo tàng và sưu tập tư nhân*.

Luật có một mục riêng để *cập cụ thể về vấn đề nguồn lực* cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn-hoá, trong đó, quy định *thống nhất việc sử dụng các nguồn thu và trách nhiệm của nhà nước* trong việc cung cấp ngân sách cho các hoạt động này. Ngoài những quy định cụ thể về việc xếp hạng di tích, sưu tầm các di sản văn hoá phi vật thể, thăm dò

khai quật khảo cổ học, Luật cũng đồng thời quy định cụ thể về công tác thanh tra, kiểm tra cùng mức độ khen thưởng và xử phạt trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hoá.

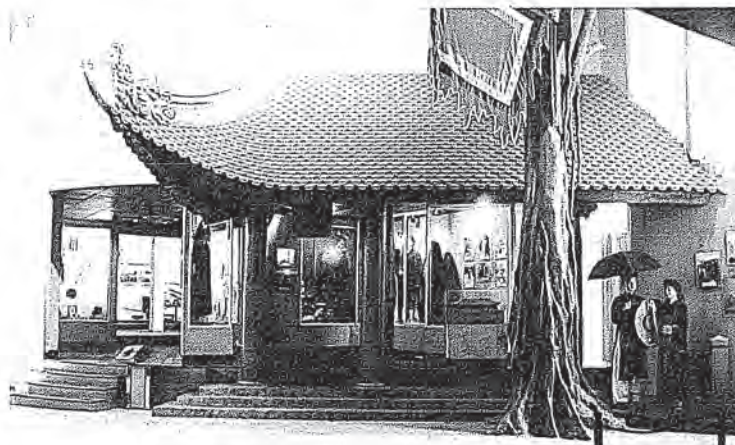
Quán triệt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, Luật Di sản văn hoá cũng đồng thời có những quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá, như việc cho phép tổ chức trưng bày cổ vật ở nước ngoài, việc người nước ngoài nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hoá ở Việt Nam và đặc biệt là việc hợp tác quốc tế để bảo hộ những di sản văn hoá Việt Nam ở nước ngoài.

Do tính chất khung và khuôn khổ của Luật; đồng thời, để tạo sự đồng bộ, thống nhất với đối tượng điều chỉnh và quy định pháp luật của các bộ Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Đất đai, cùng những quy định pháp luật khác về tài nguyên khoáng sản, về lưu trữ, về sở hữu trí tuệ, về bảo vệ môi trường..., những vấn đề cụ thể của các

hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở nước ta được thể hiện và quy định cụ thể trong các văn bản dưới Luật, đặc biệt là *“Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá”* - Nghị định số 92/ 2002/ NĐ-CP do Thủ tướng Phan Văn Khải thay mặt Chính phủ ký ban hành ngày 11/11/2002 và các văn bản dưới luật khác sẽ được ban hành trong tương lai.

Về cơ bản, có thể khẳng định rằng, *Luật Di sản văn hoá*, được thông qua tại kỳ họp lần thứ 9, Quốc hội khoá X, tháng 6/2001 và chính thức có hiệu lực từ 1/1/2002, là cơ sở pháp lý quan trọng để đẩy mạnh việc đổi mới các hoạt động nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam, thiết thực góp phần thực hiện thắng lợi những đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới đất nước nói chung, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói riêng./.

T.Q.B



Cây đa, sân đình - phần trưng bày tại Bảo tàng Văn hóa Các Dân tộc Việt Nam - Thái Nguyên
Ảnh: Khắc Thịnh